TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀNỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2020/HSPT
Ngày: 07/5/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị T Xuân;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Mạnh Hùng

Ông Phạm Văn Tuyển

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Biểu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1062/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo C và các bị cáo khác phạm tội "Đánh Bạc", do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2019/HS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh N.

*** Các bị cáo kháng cáo:**

1.**C** - Sinh ngày 26/4/1984 tại C1, N;Nơi ĐKNKTT: Tổ 4, khu C2, phường C3, thành phố M, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; con ông C4 và bà C5; có vợ và hai con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú ngày 24/01/2019, bị tạm giam đến ngày 14/3/2019, thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh; có mặt.

2.**D** - Sinh ngày 14/8/1992 tại D1, N; Nơi ĐKNKTT: Số nhà 346, tổ 3B, khu D2, phường D3, thành phố D1, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông D4 và bà D5; có vợ chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. **T** -Sinh ngày 01/3/1987 tại M, N; Nơi ĐKNKTT: khu 3, phường T1, thành phố M, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông T1 và bà T2; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. **Q** - Sinh ngày 10/01/1984 tại M, N; Nơi ĐKNKTT: Số nhà 565, đường Q1, khu 7, phường Q2, thành phố M, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Q3 và bà Q4; có vợ và 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 09/5/2006, Tòa án nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) xử phạt 24 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 25/8/2009, Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt 10 năm tù về tội "Giết người", chấp hành xong hình phạt tù 24/01/2017; Bị tạm giữ khẩn cấp ngày 25/01/2019, tạm giam đến ngày 03/4/2019, thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh; có mặt.

5.**V** (tên gọi khác là V1) - Sinh ngày 05/5/1987; nơi sinh: V1, V2; nơi ĐKNKTT: Tổ 2, khu V3, phường C3, thành phố M, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; con ông V4 và bà V5; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/8/2008, Tòa án nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) xử phạt 15 tháng tù về tội "Đánh bạc". Ngày 29/9/2008, Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/6/2015; đầu thú ngày 25/01/2019, tạm giam đến ngày 14/3/2019, thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 8/2018, C mua 02 tài khoản cá độ thể thao trên trang Web3in1 Bet (địa chỉ truy cập http://agent.7700077.com) gồm các tài khoản htt202, htkt03001. Sau khi nhận được quyền quản lý tài khoản, C chia hai tài khoản này thành nhiều tài khoản thành viên, rồi cấp cho các đối tượng có nhu cầu chơi cá độ bóng đá ăn tiền trên mạng internet với C , cụ thể: Tài khoản htt20200g (tài khoản gốc là htt202) C cấp cho D với hạn mức 10.000 điểm (USD tiền ảo), với thỏa thuận khi sử dụng cá độ thắng thua trên trang Web được quy đổi như sau: 01 điểm tương ứng với số tiền thật là 50.000VNĐ, mỗi điểm COM tương ứng với số tiền thật là 200.000 VNĐ. Số tiền thắng thua mỗi trận có thể T toán trực tiếp

hoặc qua tài khoản ngân hàng số 0521000249975 của D và số 0551000272040 mang tên C8 (vợ C), cùng hệ thống ngân hàng Vietcombank. Sau khi có quyền quản lý tài khoản, D tiếp tục chia thành 03 tài khoản thành viên khác trong đó có tài khoản htt20200g008 và 02 tài khoản khác rồi cấp cho một số đối tượng để tham gia cá độ thắng thua ăn tiền trên trang Web với thỏa thuận 01 điểm là 50.000VNĐ, 01 COM là 100.000VNĐ, qua đó hưởng lợi 100.000VNĐ/01 COM. Tài khoản htkt03001001 (tài khoản gốc là htkt03001) C cấp cho T với hạn mức 1.000 điểm (USD tiền ảo) với thỏa thuận khi sử dụng cá độ thắng thua trên trang Web được quy đổi như sau: 01 điểm tương ứng với số tiền thật là 20.000VNĐ, mỗi điểm COM tương ứng với số tiền thật là 80.000 VNĐ. Số tiền thắng thua thứ hai hàng tuần trực tiếp T toán cho nhau.

Ngày 24/01/2019, C ra đầu thú, trên cơ sở dữ liệu đã thu giữ tại hai tài khoản do C cung cấp, số tiền cá độ bóng đá ăn thua bằng tiền được xác định như sau: Tiền cá độ trong một trận = Tổng số tiền người chơi đặt cược trong trận + Tổng số tiền thắng cược + Tổng số tiền COM trong trận, xác định số tiền đã sử dụng để đặt cược cá độ bóng đá, cụ thể:

Từ ngày 10/01/2019 đến ngày 14/01/2019, qua tài khoản **htt20200g008**, D đặt cược với C cá độ bóng đá ăn thua bằng tiền 51 trận bóng đá, mỗi trận có nhiều kèo khác nhau, với tổng số tiền là 2.222.771.500đ, trong đó có 35 trận với mức tiền cá độ từ 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ, với số tiền là 1.029.343.000đ; 16 trận có số tiền cá độ từ 50 triệu trở lên với số tiền là 1.193.428.500đ. Cân đối thắng thua, D thua C số tiền 58.014.500đ, D đã T toán cho C thông qua tài khoản ngân hàng, lần cuối cùng là ngày 24/01/2019, với số tiền là 20.000.000đ, C tự nguyện nộp lại số tiền này. Từ ngày 23/01/2019 đến ngày 24/01/2019 qua tài khoản **htkt03001001,** T đặt cược với C cá độ bóng đá ăn thua bằng tiền 51 trận bóng đá, mỗi trận có nhiều kèo khác nhau, các trận đều có số tiền từ 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ, với tổng số tiền là 118.492.800đ, cân đối thắng thua, T thua C số tiền 19.248.000đ, số tiền này được trừ vào số tiền T đã ứng trước cho C khi lấy tài khoản là 20.000.000đ.

Kiểm tra điện thoại C phát hiện bên trong có nhiều tin nhắn liên quan đến nhiều người cá độ bóng đá, trong đó có Q. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N tiến hành khám xét khẩn cấp, kiểm tra điện thoại thu giữ của Q có nhiều tin nhắn cá độ bóng đá giữa Q và V. Ngày 25/01/2019, V ra đầu thú khai nhận ngày 16/01/2019, Q sử dụng số điện thoại 0969118328 gọi đến số điện thoại 0969731116 của V để đặt cược cá độ trận đấu bóng đá giữa Việt Nam - Yemen, Q đặt cược kèo "Xỉu ăn 92", với số tiền 50.000.000đ, V đồng ý. Sau đó, V gọi cho G nhà ở thành phố M có trang cá độ bóng đá để đặt

cược, kết thúc trận đấu V bị thua và phải trả cho Q số tiền 46.000.000đ. Ngày 17/01/2019, V sử dụng số tài khoản 0551000249975 mang tên V8 (vợ V) chuyển số tiền 46.000.000đ vào tài khoản số 0551000309688 mang tên Q8 (vợ Q), cùng hệ thống ngân hàng Vietcombank.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2019/HSST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo C , D, V, Q và T phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: Điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo C 48 (Bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày tạm giam, từ ngày 24/01/2019 đến ngày 14/3/2019.

Áp dụng: Điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52;điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo D 48 (Bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng: Điểm b, d khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Q 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày tạm giam, từ ngày 25/01/2019 đến ngày 03/4/2019.

Áp dụng: Điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo T 40 (Bốn mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng: Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo V 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày tạm giam, từ ngày 25/01/2019 đến ngày 14/3/2019;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo C , D, Q, V kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo T kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, bị cáo T đề nghị giảm hình phạt và xin hưởng án treo. Các bị cáo xuất trình đơn trình bày hoàn cảnh, hóa đơn nộp tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm; bị cáo T có văn bản của cơ quan điều tra Công an huyện F, tỉnh Z đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo vì có công phát hiện tội phạm kèm theo quyết định khởi tố đối tượng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội và xem xét kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 356, 357 Bộ luật tố tụng hình sự giảm hình phạt cho các bị cáo C , D, T ; không chấp nhận kháng cáo của V và Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng: Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh N đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Các bị cáo C , D, V, Q và T đã khai nhận hành vi đánh bạc như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; đủ cơ sở để kết luận: C đã có hành vi mua 02 tài khoản cá độ thể thao sau đó chia thành nhiều tài khoản thành viên và đã cấp cho D tài khoản htt20200g008 và cấp cho T tài khoản htkt03001001. Từ ngày 10/01/2019 đến ngày 14/01/2019, C và D đã cá độ với nhau 51 trận bóng đá được thua bằng tiền, trong đó 35 trận có số tiền cá độ mỗi trận từ 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ và 16 trận có số tiền cá độ mỗi trận từ 50.000.000đ trở lên.Từ ngày 23/01/2019 đến ngày 24/01/2019, C và T đã cá độ với nhau 06 trận bóng đá được thua bằng tiền, mỗi trận cá độ có số tiền từ 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ. Ngày 16/01/2019, Q và V nhắn tin qua điện thoại để cá độ 01 trận bóng đá với số tiền cá độ là 50.000.000đ.

Hành vi cá độ bóng đá với số tiền mỗi trận là 50.000.000đ trở lên của các bị cáo C , D, V, Q và T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự và ngoài hình phạt C là phạt tù, việc các bị cáo còn bị phạt bổ sung10.000.000 đồng là có căn cứ, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[2.1] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

C cá độ với D 51 trận bóng đá, hưởng lợi 58.014.500đ; C cá độ với T 06 trận, hưởng lợi 19.248.000đ. Như vậy, trong vụ án này C là đầu mối cung cấp tài khoản cho D và T nên cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo C giữ vai trò C ; do C , D, T tham gia đánh bạc nhiều lần nên việc áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với cả ba bị cáo là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo C , D, T đều trình bày lần đầu vi phạm pháp luật nên xin được khoan hồng; bị cáo C trình bày bị cáo không thể lao động tay chân, không có nghề nghiệp nên dẫn đến phạm tội. Bị cáo T và D đề nghị được giảm nhẹ do hiểu biết pháp luật kém, bị cáo D đang điều trị bệnh lao phổi; bị cáo Q, V trình bày

chỉ tham gia 01 trận bóng đá, gia đình các bị cáo khó khăn, bị cáo Q đang chăm sóc bố là thương binh nặng, mẹ bị ung thư nên mong được khoan hồng.

Xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đều đã nhận thức rõ và hối hận về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện nộp các khoản tiền phạt và án phí. Bị cáo C là người khuyết tật nặng; các bị cáo khác là đồng phạm nhưng đều có hoàn cảnh khó khăn; Q và V có vai trò đồng phạm thứ yếu (tham gia cá độ 01 trận bóng đá), Q là lao động C , có bố là thương binh, mẹ đang bị bệnh ung thư. T ngoài việc nộp các khoản tiền theo quyết định của bản án sơ thẩm thì bị cáo còn có công giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm được cơ quan Cảnh sát điều tra huyện F, tỉnh Z xác nhận và đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo (kèm theo quyết định khởi tố bị can mà bị cáo phát hiện) nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Trong vụ án này, ngoài các bị cáo C , D có vai trò C , tích cực thì các bị cáo còn lại có vai trò đồng phạm thứ yếu nên được áp dụng thêm Điều 58 BLHS. Đối với bị cáo T , tuy tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấp hơn so với bị cáo C và D; có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới hơn các bị cáo khác nhưng bị cáo tham gia cá độ nhiều lần nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo mà cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 356, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của các C , D, Q, V; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T , sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2019/HS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N, giảm hình phạt cho các bị cáo:

Áp dụng: Điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo C 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày tạm giam, từ ngày 24/01/2019 đến ngày 14/3/2019.

Áp dụng: Điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52;điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo D 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng: Điểm b, d khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Q 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày tạm giam, từ ngày 25/01/2019 đến ngày 03/4/2019.

Áp dụng: Điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng: Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo V 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày tạm giam, từ ngày 25/01/2019 đến ngày 14/3/2019.

Ghi nhận bị cáo C đã nộp 10.200.000 đồng tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0001440 ngày 11/2/2020 và Biên lai thu tiền số AA/2017/0001439 ngày 11/2/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh N.

Ghi nhận bị cáo Đoàn Văn Q đã nộp 10.200.000 đồng tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0001437 ngày 11/2/2020 và Biên lai thu tiền số AA/2017/0001438 ngày 11/2/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh N.

Ghi nhận bị cáo D đã nộp 10.200.000 đồng tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0001402 ngày 07/2/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh N.

Ghi nhận bị cáo T đã nộp 10.200.000 đồng tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0001327 ngày 10/12/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh N.

Ghi nhận bị cáo V đã nộp 10.200.000 đồng tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2013/0008028 ngày 07/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh N.

Về án phí: Các bị cáo không phải án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hùng **Phạm Văn Tuyển** **Nguyễn Thị T Xuân**

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N ;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THA dân sự tỉnh N;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA